

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 02 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Dung.
2. Ông Nguyễn Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh D, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã V, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2024, cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn là bà Phạm Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà (Phạm Thị T) và ông Trần Minh D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh C chứng nhận kết hôn ngày 05/9/2006. Vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, tính tình cả hai người không còn phù hợp nhau. Gia đình có hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại hạnh phúc. Bà nhận xét thấy cuộc

sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Minh D.

- *Về con chung*: Có 03 người tên là Trần Thị Mỹ N (giới tính nữ), sinh ngày 22/02/2004, Trần Thị Diệu D (giới tính nữ), sinh ngày 22/5/2007 và Trần Công C (giới tính nam), sinh ngày 31/3/2013 hiện con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện Trần Thị Mỹ N đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Đối với Trần Thị Diệu D và Trần Công C bà yêu cầu được tiếp tục nuôi, yêu cầu ông Trần Minh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Minh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Phạm Thị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Trần Minh D nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Trần Minh D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Trần Minh D chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Trần Minh D được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hoà giải, hàn gắn và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Thị T yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh D. Ông Trần Minh D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét. Cho thấy ông Trần Minh D không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Trần Minh D đã và đang trầm trọng. Bà Phạm Thị T cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, việc bà Phạm Thị T yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh D là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Có 03 người tên là Trần Thị Mỹ N (giới tính nữ), sinh ngày 22/02/2004, Trần Thị Diệu D (giới tính nữ), sinh ngày 22/5/2007 và Trần Công C (giới tính nam), sinh ngày 31/3/2013 hiện con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện Trần Thị Mỹ N đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Trần Thị Diệu D và Trần Công C bà yêu cầu được tiếp tục nuôi, yêu cầu ông Trần Minh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, hiện nay bà Phạm Thị T đang trực tiếp nuôi con và bà Phạm Thị T vẫn chưa từ chối quyền nuôi con của mình. Mặt khác, con chung là cháu Trần Thị Diệu D và cháu Trần Công C có nguyện vọng chung sống cùng với bà Phạm Thị T. Xét thấy cần thiết tiếp tục giao cháu Trần Thị Diệu D và cháu Trần Công C cho bà Phạm Thị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông Trần Minh D không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận. Mức cấp dưỡng hàng tháng đối với mỗi người con theo quy định của pháp luật là 1.170.000 đồng.

Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng cho đến khi cháu Trần Thị Diệu D và cháu Trần Công C đủ 18 tuổi có khả năng tự lao động sinh sống.

Ông Trần Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27; ông Trần Minh D phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị T ly hôn với ông Trần Minh D.

2. Về con chung: Giao Trần Thị Diệu D (giới tính nữ), sinh ngày 22/5/2007 và Trần Công C (giới tính nam), sinh ngày 31/3/2013 cho bà Phạm Thị T chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Diệu D và cháu Trần Công C 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Trần Minh D cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.170.000 đồng/tháng x 02 người con = 2.340.000 đồng (hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Thời gian cấp dưỡng: Tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/02/2025) cho đến khi cháu Trần Thị Diệu D và cháu Trần Công C đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Kể từ ngày bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Minh D chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Trần Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Phạm Thị T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015220, ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Minh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- UBND xã V, huyện N, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước